TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN VĂN THỜI** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 142/2024/HNGĐ-ST
Ngày 10-4-2024
V/v: "Tranh chấp Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lâm Thành Quang**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Huỳnh Văn Tới**

2. Bà **Nguyễn Kim Lên**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Huỳnh Hiếu Nghĩa** - Thư ký viên, Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 10 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 86/2024/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2024 về việc "Tranh chấp Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 102/2024/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Phạm Thị H**, sinh năm 1976.

2. Bị đơn: Ông **Trần Văn M**, sinh năm 1967.

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp V, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

(Nguyên đơn đề nghị xét xử vắng mặt, còn bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn: Bà **Phạm Thị H** trình bày:

Về hôn nhân:

Bà và ông M chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Trong cuộc sống do bất đồng ý kiến, dẫn đến vợ chồng cãi nhau, làm cho cuộc sống không còn hạnh phúc nên nguyên đơn yêu cầu được ly hôn với ông M.

Về con chung:

Vợ chồng có 02 người con chung là Trần Thái Y, sinh ngày 23/10/1998 (giới tính: Nam) và Trần Ngọc Y1, sinh ngày 01/01/2000 (giới tính: Nữ).

Hiện các cháu đã trưởng thành, nên không có yêu cầu Toà án giải quyết về trách nhiệm nuôi dưỡng.

Về tài sản, nợ: Không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nay, bà H yêu cầu Toà án xét xử vắng mặt theo quy định.

- Đối với bị đơn: Ông **Trần Văn M:**

Khi thụ lý, Tòa án đã thực hiện thủ tục tống đạt, niêm yết đúng theo quy định của pháp luật, nhưng bị đơn vắng mặt, không có văn bản nêu ý kiến gửi đến Tòa án.

Vụ án, được Tòa án tiến hành công khai chứng cứ và lập biên bản không tiến hành hòa giải được, do bị đơn vắng mặt.

Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt, nguyên đơn đề nghị xét xử vắng mặt và bảo lưu ý kiến như tại đơn khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về tố tụng**:

Về sự vắng mặt của đương sự:

Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, còn bị đơn đã được Toà án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt.

Căn cứ các điều 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử cần xét xử vắng mặt đối với các đương sự nêu trên, là phù hợp.

Về quan hệ pháp luật:

Được xác định là "Tranh chấp về Ly hôn", đồng thời các đương sự đều có nơi cư trú ấp V, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Từ đó, Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] **Về nội dung**:

- Về hôn nhân:

Bà H và ông M tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau, nên hôn nhân được xem là hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Quá trình chung sống, giữa bà H và ông M phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không quan tâm chăm sóc đến nhau, nên bà H mới nộp đơn ly hôn với ông M. Đối với ông M vắng mặt, không tham gia tố tụng và cũng không có văn bản thể hiện ý kiến phản hồi gì trước yêu cầu ly hôn của bà H theo quy định tại khoản 2 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Cho thấy, bị đơn đã không quan tâm đến

việc hàn gắn hạnh phúc gia đình với nguyên đơn và nay bà H kiên quyết ly hôn với ông M.

Theo Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau và có nghĩa vụ chung sống với nhau.

Xét, mâu thuẫn giữa bà H và ông M đã thật sự trầm trọng, không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ được chấp nhận.

Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận cho nguyên đơn được ly hôn với bị đơn là phù hợp với Điều 51; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về con chung:

Bà H và ông M có 02 người con chung là Trần Thái Y, sinh ngày 23/10/1998 (giới tính: Nam) và Trần Ngọc Y1, sinh ngày 01/01/2000 (giới tính: Nữ).

Hiện nay, các cháu này đã trưởng thành, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết về trách nhiệm nuôi dưỡng.

- Về tài sản, nợ: Bà H không có yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết, trường hợp có tranh chấp sẽ được giải quyết ở vụ án khác.

[3] **Về án phí**:

Bà H phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số tiền 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; Các điều 147, 227, 228, 235, 238, 273, 483 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Các điều 19, 51, 56, 55, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Điều 26 của Luật thi hành án dân sự năm 2014.

Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị H.

1/ Về hôn nhân: Cho bà Phạm Thị H được ly hôn với ông Trần Văn M.

2/ Về con chung: Do đã trưởng thành, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết về trách nhiệm nuôi dưỡng.

3/ Về tài sản, nợ: Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết, trường hợp có tranh chấp sẽ được giải quyết ở vụ án khác.

4/ Về án phí: Buộc bà Phạm Thị H phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), đối trừ số tiền 300.000 đồng mà bà H dự nộp tại biên lai 4511 ngày 20/02/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau, nay được chuyển thu đối trừ.

5/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

"Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- Các đương sự (02b);
- VKSND H. Trần Văn Thời (01b);
- Chi cục THADS H. Trần Văn Thời (01b);
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn (01b);
- Lưu hồ sơ vụ án (01b);
- Lưu án văn (01b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lâm Thành Quang